

DẠY HỌC SỐ TỰ NHIÊN CHO HỌC SINH LỚP 2 THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

PHẠM THANH PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 04/05/2017; ngày sửa chữa: 09/05/2017; ngày duyệt đăng: 10/05/2017.

Abstract: The article mentions key issues of experiential learning based on theory of David Kolb's. Based on this analysis, the article proposes a process of organising experiential learning activities in teaching random consequence for student grade 2 with clear illustrations. This teaching method is one of modern methods which promote the positive and initiative of students in order to meet requirements of current education reform.

Keywords: Teaching method, random consequence, student grade 2, experiential learning.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương IV của Đảng cộng sản Việt Nam, khóa VIII tiếp tục chỉ rõ: *Đổi mới mạnh mẽ phương pháp GD-ĐT, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh (HS).*

HS lớp 2 tuy rất thích khám phá nhưng lại thiếu sự tập trung, khả năng ghi nhớ và chú ý chưa có chủ định nên nhanh nhốt, nhanh quên. Vì vậy, đồ dùng học tập là phương tiện quan trọng nhằm tạo sự chú ý, lôi cuốn, kích thích nhu cầu khám phá, trải nghiệm của HS. Trong dạy học ở tiểu học, học tập qua hoạt động trải nghiệm (HĐTNT) tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm thực tế bằng các giác quan khác nhau, phát huy tính tích cực, độc lập, chủ động, sáng tạo của các em.

Trong dạy học môn *Toán* ở tiểu học, dạy học về số tự nhiên góp phần hình thành và phát triển năng lực tính toán - một trong những năng lực cần thiết của người lao động. Do vậy, giáo viên (GV) cần có các phương pháp dạy học phù hợp. Một trong những phương pháp đó là HS được học tập thông qua HĐNT, là cách dạy học hướng vào người học "lấy HS làm trung tâm": HS tham gia học tập thông qua HĐNT, các em tự phát hiện, giải quyết vấn đề để chiếm lĩnh kiến thức. Bài viết đề cập về HĐNT và quy trình tổ chức các HĐNT trong dạy học về số tự nhiên cho HS lớp 2.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận về HĐNT. Theo **Từ điển Tiếng Việt**: Trải nghiệm được hiểu đơn giản nhất là những gì con người từng kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu đựng. Trải nghiệm là kiến thức, kĩ năng mà trẻ nhận được bên ngoài các cơ sở giáo dục thông qua sự giao

tiếp với nhau, hay qua các tài liệu tham khảo không được giảng dạy trong nhà trường,...

Trải nghiệm (qua thực nghiệm, thử nghiệm) là một trong những phương pháp dạy học để thiết lập hoặc minh họa một quan điểm lí luận cụ thể. Học qua thực hành, thực tập hoặc trải nghiệm đều là các cách thức học tập gắn liền với thực tiễn, là phương thức học tập hiệu quả.

Học tập trải nghiệm là một phương pháp học, trong đó người học tự khám phá vấn đề; là quá trình tạo ra tri thức mới thông qua trải nghiệm thực tế, đánh giá, phân tích dựa trên kinh nghiệm đã có. Như vậy, HĐNT là một hoạt động (HĐ) giáo dục, trong đó dưới sự hướng dẫn và tổ chức của các nhà giáo dục, HS được tham gia trực tiếp vào HĐ học tập thực tiễn với tư cách là chủ thể của HĐ, qua đó tăng cường kiến thức, hình thành và phát triển kĩ năng, năng lực, nhân cách và khả năng sáng tạo của bản thân.

2.2. Quy trình tổ chức các HĐNT trong dạy học về số tự nhiên cho HS lớp 2. Học tập qua HĐNT trong dạy học Toán là cách học mà HS được trải nghiệm các sự kiện đã hoặc vừa xảy ra, chứa đựng vấn đề cần nghiên cứu; sau đó phân tích, nhìn nhận lại, phát hiện đặc điểm, ý nghĩa của kinh nghiệm đó; khái quát rút ra bài học; áp dụng, thay đổi cách làm cũ, thử nghiệm cách làm mới. Dạy học số tự nhiên thông qua HĐNT là quá trình GV tổ chức cho HS được trải nghiệm dựa trên các tình huống gắn với thực tiễn, các tình huống học tập cụ thể. Thông qua các HĐ, HS được tham gia vào toàn bộ quá trình, trải nghiệm, bày tỏ quan điểm, ý tưởng của bản thân.

Dưới đây, chúng tôi đề xuất quy trình tổ chức các HĐNT trong dạy học về số tự nhiên cho HS lớp 2 gồm các bước sau:

* Trường Tiểu học Thực Hành - Đại học Hải Phòng

Các bước	HD của GV	HD của HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Tạo tâm thế và định hướng nhiệm vụ <i>Mục đích:</i> - Tạo không khí vui vẻ, thoải mái, HS có tâm thế sẵn sàng và hứng thú trong học tập; - Định hướng nhiệm vụ của HĐTN	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: Tổ chức cho HS khởi động chơi trò chơi hoặc bài hát, bài múa - Hình thức tổ chức: lớp	- Chuẩn bị tâm lí, tư tưởng để tiếp thu kiến thức. - Thực hiện đúng theo yêu cầu GV	- Hát, múa hoặc thực hiện trò chơi - Nắm được định hướng nhiệm vụ bài học
Bước 2: Xác định mục tiêu: - <i>Về kiến thức:</i> HS nắm được kiến thức về số tự nhiên ở lớp 2; - <i>Về kĩ năng:</i> HS có kĩ năng tính toán, vận dụng vào thực tiễn; - <i>Về thái độ:</i> Hình thành cho HS sự yêu thích, say mê học tập môn <i>Toán</i>	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: Gợi ý thông qua hệ thống câu hỏi: + Mục tiêu của bài học là gì?; + Bài có mấy mục tiêu?; + Để đạt được mục tiêu này cần làm gì? - Hình thức tổ chức: nhóm, lớp	- Đọc mục tiêu - Trả lời câu hỏi để nắm mục tiêu bài học	Đọc, viết, so sánh, sắp xếp, vận dụng cách giải toán có lời văn
Bước 3: Tái hiện kiến thức cũ có liên quan <i>Mục đích:</i> Giúp HS có cơ sở hình thành kiến thức mới	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: Bảng hệ thống câu hỏi - Tái hiện kiến thức số tự nhiên ở lớp 1: Ở lớp 1 em đã học những số tự nhiên nào? GV đưa ví dụ về đọc, viết, so sánh,... các số tự nhiên - Kiến thức số tự nhiên lớp 2 - Hình thức tổ chức: nhóm, lớp	Trả lời câu hỏi	HS nhớ lại kiến thức về số tự nhiên ở lớp 1 để làm nền tảng cho việc học số tự nhiên ở lớp 2
Bước 4: Trải nghiệm <i>Mục đích:</i> - Hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ theo mục tiêu bài học.	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: GV tổ chức trải nghiệm bằng mô hình đồ dùng Toán học: tấm bìa, thẻ ô vuông,... - GV sử dụng hệ thống câu hỏi gợi ý - Hình thức tổ chức: theo nhóm, lớp	Sử dụng các đồ dùng trực quan để hình thành kiến thức	HS được tham gia trải nghiệm về số tự nhiên: nhận biết, đọc, viết, so sánh, sắp xếp, vận dụng giải toán có liên quan,...
Bước 5: Báo cáo kết quả trải nghiệm, hình thành tri thức mới <i>Mục đích:</i> - HS báo cáo kết quả về số tự nhiên thông qua trải nghiệm; - HS tự rút ra kiến thức bài học	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: GV tổ chức trải nghiệm bằng mô hình, đồ dùng Toán học: tấm bìa, thẻ ô vuông... - GV sử dụng hệ thống câu hỏi gợi ý - Hình thức tổ chức: nhóm, lớp	- Đại diện nhóm báo cáo kết quả - Nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đặt câu hỏi chia sẻ về nội dung kiến thức của bài	HS báo cáo kết quả và hình thành kiến thức về số tự nhiên thông qua trải nghiệm
Bước 6: Kiểm chứng và vận dụng tri thức mới <i>Mục đích:</i> HS biết vận dụng, thực hành kiến thức về số tự nhiên	- Phương pháp: Nêu vấn đề - Phương tiện: GV đưa bài toán, tình huống cụ thể - Hình thức tổ chức: dạy học theo nhóm, lớp	HS vận dụng làm dạng bài tương tự	HS biết vận dụng, thực hành vào bài toán cụ thể

Như vậy, có thể nói 6 bước của HĐTN ở trên có mối liên hệ chặt chẽ và logic với nhau. Để tiến hành HĐTN thành công, cần đảm bảo theo quy trình các bước. Mỗi bước đều rất cần thiết và không tách rời nhau trong một HĐTN. Phần kiến thức về Số tự nhiên ở lớp 1 là cơ sở, nền tảng ban đầu cho việc nhận biết, hình thành, các phép tính cộng trừ số tự nhiên trong phạm vi 100, thì ở lớp 2, số tự nhiên tiếp tục kế thừa kiến thức lớp 1 nhưng trong phạm vi 1000 và hình thành các bảng nhân, chia (từ bảng nhân, chia cho 2 đến bảng nhân, chia cho 5). Phần số tự nhiên ở lớp 3 vẫn tiếp tục kế thừa ở lớp 2 nhưng là các bảng nhân, chia cho 6, 7, 8, 9 và các phép tính trong phạm vi 10000. Mạch kiến thức về số tự nhiên tiếp tục ở lớp 4, 5 nhưng phát triển hơn (nhân, chia cho phân số và số thập phân).

2.3. Ví dụ minh họa

2.3.1. Đối với dạng bài thành lập số có ba chữ số:
Ví dụ: Dạy học bài: “Các số có ba chữ số” [Toán 2; tr 146].

- *Mục tiêu:* HS biết lập, đọc, viết các số có ba chữ số.

- *Cách tiến hành:* + **Bước 1:** Định hướng nhiệm vụ. GV cho lớp khởi động trò chơi: Tìm nhanh số từ các thẻ số từ 1 đến 9. HS rút bất kì 3 thẻ số và đọc số mình ghép được cho bạn nghe và lần lượt đọc số trong nhóm; + **Bước 2:** Xác định mục tiêu, giúp HS biết thành lập các số có 3 chữ số bắt đầu từ số 243; HS biết đọc, viết số có 3 chữ số; + **Bước 3:** Tái hiện kiến thức cũ có liên quan. HS nêu cách đọc, viết số có hai chữ số và những lưu ý khi so sánh hai số; + **Bước 4:** Trải nghiệm; + **Bước 5:** Báo cáo kết quả trải nghiệm, hình thành tri thức mới; + **Bước 6:** Kiểm chứng và vận dụng tri thức mới.

2.3.2. Hình thành số 243: Phương pháp: Nêu vấn đề: Sử dụng đồ dùng trực quan để HS thành lập số 243; Phương tiện: Đồ dùng: đơn vị 1 ô vuông, thẻ 10 ô vuông, tấm bìa hình vuông có 100 ô vuông; Hình thức tổ chức: dạy học theo nhóm, lớp.

- **Cách tiến hành:** + **Bước 1:** Lần 1: Lấy 2 tấm bìa, mỗi tấm bìa 100 ô vuông; Lần 2: Lấy 4 thẻ, mỗi thẻ 10 ô vuông; + Lần 3: Lấy 3 đơn vị ô vuông; + **Bước 2:** HS đọc toàn bộ số ô vuông: Hai trăm bốn mươi ba ô vuông; hai trăm, bốn chục, 3 đơn vị; hai trăm bốn mươi ba; + **Bước 3:** Viết số vào hàng tương ứng: Hàng thứ nhất lấy 2 tấm bìa 100 ô vuông, viết 2 vào hàng trăm; Hàng thứ hai lấy 4 thẻ, mỗi thẻ chục ô vuông, viết 4 vào hàng chục; Hàng thứ 3 lấy 3 đơn vị ô vuông, viết 3 vào hàng đơn vị. Vậy, số 243 gồm 2 trăm, 4 chục, 3 đơn vị. HS viết số 243 (viết liền các số hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị); + **Bước 4:** HS đọc số: hai trăm bốn mươi ba. Sau khi hình thành được biểu tượng, cách đọc, viết số 243, HS tiếp tục tự hình thành biểu tượng, cách viết, cách đọc các số: 235; 310; 240; 411; 205; 252, tự trải nghiệm trên đồ dùng thông qua các tấm bìa, thẻ chục và ô vuông đơn vị. HS phân tích, đọc, viết số bằng việc chia sẻ với các bạn trong nhóm để thống nhất cách làm, đưa ra cách đọc, viết, phân tích cấu tạo của số thông qua đồ dùng trực quan; - **Bước 5:** Báo cáo kết quả trải nghiệm, hình thành tri thức mới. Đại diện nhóm báo cáo kết quả. Nhóm khác lắng nghe nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi chia sẻ về cách đọc, viết số có ba chữ số.

Kết quả trải nghiệm thông qua đồ dùng:

Đồ dùng	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
2 tấm bìa 100 ô vuông, 4 thẻ chục, 3 đơn vị ô vuông	2	4	3	243	Hai trăm bốn mươi ba
2 tấm bìa 100 ô vuông, 3 thẻ chục, 5 đơn vị ô vuông	2	3	5	235	Hai trăm ba mươi lăm
3 tấm bìa 100 ô vuông, 1 thẻ chục, 0 đơn vị ô vuông	3	1	0	310	Ba trăm mười
2 tấm bìa 100 ô vuông, 4 thẻ chục, 0 đơn vị ô vuông	2	4	0	240	Hai trăm bốn mươi
4 tấm bìa 100 ô vuông, 1 thẻ chục, 1 đơn vị ô vuông	4	1	1	411	Bốn trăm mười một
2 tấm bìa 100 ô vuông, 0 thẻ chục, 5 đơn vị ô vuông	2	0	5	205	Hai trăm linh năm
2 tấm bìa 100 ô vuông, 5 thẻ chục, 2 đơn vị ô vuông	2	5	2	252	Hai trăm năm mươi hai

- **Hình thành kiến thức mới:** HS dần dần hình thành biểu tượng về các số có ba chữ số, biết đọc, viết số có ba chữ số. Để HS hình thành chắc chắn biểu tượng về

các số có ba chữ số, cần chia các số có ba chữ số thành các dạng khác nhau: + Số có ba chữ số mà cả ba chữ số đều khác 0; + Số có ba chữ số mà chữ số hàng chục có giá trị là 0; + Số có ba chữ số mà chữ số hàng đơn vị có giá trị là 0.

Qua các bài học về số có ba chữ số, HS tự nhận thấy rằng, một số được gọi là số có ba chữ số khi nó có đủ các chữ số ở tất cả các hàng: hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị. Trong đó, chữ số hàng chục hoặc hàng đơn vị có thể bằng 0, nhưng chữ số hàng trăm phải khác 0.

Đọc, viết số là HĐ sau khi hình thành biểu tượng số cho HS. Như vậy, HS dựa vào kinh nghiệm đã có đối với số có hai chữ số cùng với HĐ trải nghiệm đồ dùng để đọc, viết số có ba chữ số tương ứng với hình ảnh trực quan: tấm bìa, thẻ ô vuông. Khi dạy học cho HS đọc, viết, GV cần lưu ý: - Đọc, viết tất cả các số đều khác 0, khi đọc đến hàng chục ta đọc thêm chữ "mười". Ví dụ: 465: Bốn trăm sáu mươi lăm; - Trong trường hợp chữ số 0 đứng ở hàng chục đọc là "linh", chữ số 0 đứng ở hàng đơn vị đọc là "mười". Ví dụ: 508: Năm trăm linh tám; 340: Ba trăm bốn mươi; - Nếu chữ số hàng chục là 0 hoặc 1, thì chữ số 1 ở hàng đơn vị được đọc là "một". Ví dụ: 401: Bốn trăm linh một; 511: Năm trăm mười một. Nếu chữ số hàng chục lớn hơn 1 thì đọc là "mốt". Ví dụ: 721: Bảy trăm hai mươi mốt; - Nếu chữ số 5 đứng ở hàng đơn vị mà hàng chục là 0, ta đọc là: "năm". Ví dụ: 405: Bốn trăm linh năm; - Nếu chữ số 5 đứng ở hàng đơn vị mà hàng chục là các số khác 0 (từ 1-9), ta đọc là: "lăm". Ví dụ: 325: Ba trăm hai mươi lăm.

- **Bước 6. Kiểm chứng và vận dụng tri thức mới:** HS tiếp tục được củng cố kiến thức thông qua các dạng bài, có kèm theo mô hình trong sách giáo khoa.

Dạy học thông qua trải nghiệm có vai trò rất quan trọng trong dạy học môn *Toán* cho HS lớp 2 nhằm hình thành năng lực cho người học, phù hợp với quy luật, đặc điểm tâm sinh lí, phát triển một cách toàn diện về nhân cách cho các em; HS phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, kinh nghiệm, sở trường, phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, ngôn ngữ toán học và say mê học tập hơn.

Dạy học số tự nhiên cho HS lớp 2 thông qua HĐTN là cơ sở khoa học, đáp ứng được nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn cho các em khả năng tự học, tự giải quyết vấn đề, tư duy trừu tượng và sự tự tin, tương tác trong giờ học. □

(Xem tiếp trang 157)

Nhờ có sự so sánh, liên tưởng kì thú mà cái hồn của núi rừng Tây Nguyên hiện lên rõ nhất trong các áng sử thi.

3.2. Phóng đại: Đây là biện pháp thường gặp trong các sáng tác dân gian, nhất là các tác phẩm thuộc thể loại trào phúng. Đối với sử thi, phóng đại dường như phát huy được hầu hết ưu điểm của biện pháp này trong việc tạo ra các hình tượng mang tính kì vĩ và được sử dụng một cách phổ biến, rộng rãi trong toàn bộ tác phẩm. Đây là biện pháp giúp cho bức tranh sử thi “bay cao” hơn trong trí tưởng tượng của người thưởng thức. Cuộc sống của buôn làng Bahnar với sự nhộn nhịp: “*cửa quý đây nhà, đồ đạc chất đây rông, tôi tớ đây làng, lợn gà cũng đây làng, như mới không sao đếm xuể, trâu, bò, ngựa chen chúc chật ruộng đen sông khiến ai cũng bán tán chuyện Xét giàu có*”. Đó là cách khắc họa khung cảnh buôn làng trực quan, độc đáo...

Với hệ thống nhân vật, những đường nét tạo nên hình ảnh bao giờ cũng có sự đặc tả của biện pháp phóng đại. Trong những cuộc chiến giao tranh, gay go, người anh hùng được khắc họa: “*chàng má miết chiến đấu với rắn từ trời cao, đâm chém thật mau lẹ, khéo léo. Chàng quay khiên thành lửa khiến rắn không thể nào cắn nổi, thân mình chàng quay tít, không còn nhìn thấy đầu là đầu, tóc, chân tay. Rắn tấp vào tấm khiên của chàng, lửa bùng cháy lan sang cả miệng nó*”.

Bên cạnh đó, nữ nhân vật còn có sức mạnh phép thuật, trợ giúp cho người anh hùng chiến đấu với kẻ thù. Bia Lúi với dáng điệu “*thướt tha như chim bay, khoan thai như cá lượn*” có sức mạnh phi thường “*nàng bay lên phía trên hóa phép làm mưa đội xuống, làm sấm chớp lóe sáng. Nàng đánh lần đầu, một mái núi vỡ toang, đánh lần thứ hai ngọn núi đổ sập xuống. Đánh lần thứ ba ngọn núi sụp xuống thành hồ nước*”.

Thông qua lăng kính phóng đại, các nhân vật trong sử thi đều có diện mạo xinh đẹp, khỏe khoắn hơn người nhưng không hề xa lạ mà rất gần gũi, thân quen với cuộc sống. Điều đó tạo nên bức tranh nhiều màu sắc trong sử thi khiến người thưởng thức say đắm.

3.3. Sử dụng định ngữ. Như là một dạng thức riêng của công thức ngôn ngữ, các định ngữ của sử thi Bahnar có vai trò phổ diễn, nhấn mạnh một nét tính cách, phẩm chất nổi bật nhất của nhân vật một cách khái quát, vắn tắt. Gắn liền với anh hùng Giông là những định ngữ chỉ phẩm chất của người anh hùng: “*Giông đẹp để khỏe mạnh*”, “*Giông tốt đẹp can trường*”, “*Giông dũng cảm khỏe mạnh*”, “*Giông quả cảm*”,

“*Giông hiền hòa nhân hậu khỏe mạnh và can đảm*”. Đối thủ của người anh hùng luôn là những kẻ nổi danh về sức mạnh, sự gan góc như Jrai, Lao “*dũng cảm khùng khiếp*”, “*can đảm, khỏe mạnh*” hay cặp tráng sĩ Pưpung Xormam “*khỏe và dữ tợn*”, “*dũng cảm đáng sợ*”. Nhân vật nữ thì xuất hiện với nét xinh đẹp, duyên dáng được miêu tả qua các định ngữ “*Bia Phu xinh đẹp như hoa*”, “*Bia Xin đẹp lộng lẫy*”.

Các định ngữ trên được sử dụng một cách phổ biến là phương diện đặc trưng trong sử thi Bahnar. Sự xuất hiện các định ngữ phần nào đó cho ta thấy sự quan tâm của dân gian đến những phẩm chất của các nhân vật trong sử thi - phẩm chất tốt đẹp cần phải có của người anh hùng để xây dựng, bảo vệ buôn làng...

* * *

Có thể khẳng định, sử thi Bahnar nói riêng và sử thi Tây Nguyên nói chung luôn sống mãi trong lòng người đọc bởi sự đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, trong đó thi pháp khắc họa nhân vật đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, góp phần làm say đắm bao thế hệ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Chu Xuân Diên (2001). *Văn hóa dân gian mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*. NXB Giáo dục.
- [2] Bùi Minh Đạo (chủ biên, 2006). *Dân tộc Ba Na ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội.
- [3] Phan Thị Hồng (2016). *Về ba H'mon Giông thử thách, Giông mài dao, Tor dăm Kram Ngai*. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 10, tr 13-26.
- [4] Đinh Gia Khánh (chủ biên, 2001). *Văn học dân gian Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [5] Bakhtin. M. (1992). *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*. Trường viết văn Nguyễn Du.

Dạy học số tự nhiên...

(Tiếp theo trang 164)

Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Tự Ân (2015). *Mô hình trường học mới Việt Nam nhìn từ góc độ thực tiễn và lí luận*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Nguyễn Thị Liên - Nguyễn Thị Hằng - Tưởng Duy Hải - Đào Thị Ngọc Minh (2015). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Thái Duy Tuyên (2013). *Triết học giáo dục Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đỗ Ngọc Thống (2014). *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - Kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông, Bộ GD-ĐT.
- [5] Đặng Vũ Hoạt - Hà Nhật Thăng (1998). *Tổ chức hoạt động giáo dục*. NXB Giáo dục.